

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**^{*})

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH - RIÊNG

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ	06 - 07
3. Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	08 – 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	12 – 36
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	37
8. Phụ lục số 02 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 34 ngày 20 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 1.074.396.810.000 đồng (Một nghìn không trăm bảy mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HAX theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : + 84 (28) 3 5120 026

Fax : + 84 (28) 3 5120 025

Mã số thuế : 0302000126

• Thông tin về chi nhánh hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
01	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
02	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
03	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang (*)	Số 256 đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
04	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Tp. Cần Thơ	102 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 19/NQ-HĐQT-HAX ngày 30 tháng 07 năm 2025 về việc thông qua quyết định đóng cửa Chi nhánh Kim Giang.

• Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
2.	Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	52,06%	52,06%	52,06%	51,62%	51,62%	51,62%
3.	Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây	54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%
4.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tương Lai Việt	14-15A, Tầng 7, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	65,00%	65,00%	65,00%	-	-	-
5.	Công ty CP Ô tô An Thái(*)	Số 464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	0,00%	52,35%	32,51%	0,00%	52,35%	32,51%
6.	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt (**)	97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	0,00%	99,33%	51,27%	0,00%	99,33%	51,27%

(*) Công ty CP Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty CP Ô tô An Thái).

(**) Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM chiếm 99,33% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt).

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo hành các loại ô tô (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý mua bán xe ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: đại lý mua bán phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đóng mới thùng xe các loại; Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). (Thực hiện cam kết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 446/2021/CV ngày 02/11/2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh về việc cam kết ngành nghề kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê xe ô tô;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621) (trừ đấu giá hàng hóa) (trừ các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: Đại lý bảo hiểm (CPC 81401);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632);
- Đánh giá rủi ro và thiệt hại. Chi tiết: Dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ủy ban kiểm toán

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	23/03/2024	-
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	23/03/2024	-
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên	15/03/2025	-
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	23/03/2024	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên	23/03/2024	-

4.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	21/04/2026	-
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	10/09/2020	-

4.3 Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Tiểu Mai	Chủ tịch	23/03/2024	-
Bà Vũ Thị Hạnh	Ủy viên	23/03/2024	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Tiến Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (riêng) giữa niên độ và tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ từ trang 08 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ, tình hình hoạt động (riêng) giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.



PM. Hội đồng quản trị

ĐỖ TIẾN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026.

Số 170801/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 8 năm 2026, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này chỉ phản ánh tình hình tài chính riêng và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả kinh doanh riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số: 2141-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.280.772.310.581	1.353.397.046.339
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.473.085.468	52.423.161.955
1.	Tiền	111		61.473.085.468	52.423.161.955
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.000.000.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	5.000.000.000	5.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.265.247.699	192.585.991.665
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	57.628.354.476	72.811.741.796
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.766.373.596	2.106.533.228
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	70.546.639.282	118.343.836.296
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(676.119.655)	(676.119.655)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.7	1.039.869.010.446	1.061.190.536.013
1.	Hàng tồn kho	141		1.043.915.762.121	1.065.237.287.688
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(4.046.751.675)	(4.046.751.675)
IV.	Tài sản ngắn hạn khác	160		24.164.966.968	42.197.356.706
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	4.750.901.548	6.839.273.182
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	162		18.107.386.080	34.158.281.032
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.16	1.306.679.340	1.199.802.492
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		871.549.387.763	539.538.264.738
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.475.438.612	2.475.438.612
1.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		2.475.438.612	2.475.438.612
II.	Tài sản cố định	220		110.742.669.408	175.745.914.841
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	100.140.682.431	165.115.952.066
-	Nguyên giá	222		212.951.630.605	280.783.910.296
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.810.948.174)	(115.667.958.230)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.601.986.977	10.629.962.775
-	Nguyên giá	228		17.934.806.169	17.934.806.169
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.332.819.192)	(7.304.843.394)
III.	Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
V.	Tài sản dở dang dài hạn	250		10.297.083.019	-
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	10.297.083.019	-
VI.	Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.12	742.042.103.809	353.331.349.831
1.	Đầu tư vào công ty con	261		743.639.437.875	355.067.757.875
2.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(1.597.334.066)	(1.736.408.044)
VI.	Tài sản dài hạn khác	270		5.992.092.915	7.985.561.454
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	2.585.767.969	4.579.236.508
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		3.406.324.946	3.406.324.946
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.152.321.698.344	1.892.935.311.077

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ		300		1.010.789.939.141	809.568.277.499
I. Nợ ngắn hạn		310		737.789.939.141	809.568.277.499
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.13	68.323.035.087	38.304.839.793
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.14	25.314.455.566	26.319.777.385
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận		313	V.15	855.970.700	855.970.700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn		314	V.16	1.668.947.883	703.019.766
5. Phải trả người lao động		315	V.17	8.968.892.089	12.483.341.001
6. Chi phí phải trả ngắn hạn		316		948.201.331	469.070.057
7. Phải trả ngắn hạn khác		320	V.18	2.447.421.742	2.408.658.018
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		321	V.19	629.263.014.743	728.023.600.779
II. Nợ dài hạn		330		273.000.000.000	-
1. Phải trả dài hạn khác		338	V.20	273.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.141.531.759.203	1.083.367.033.578
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		67.134.949.203	8.970.223.578
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		420a		8.970.223.578	-
- LNST chưa phân phối kỳ này		420b		58.164.725.625	8.970.223.578
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		2.152.321.698.344	1.892.935.311.077

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DŨNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.061.000.814.724	890.897.831.968
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.061.000.814.724	890.897.831.968
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	988.652.001.658	838.980.217.021
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		72.348.813.066	51.917.614.947
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	49.704.646.190	19.871.232.532
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	17.785.576.255	17.641.482.067
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		17.924.650.233	11.132.950.697
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	40.295.789.608	37.783.362.560
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	20.292.529.042	21.063.277.330
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
11. {30 = 20 +21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		43.679.564.351	(4.699.274.478)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	17.076.768.938	10.724.590.194
13. Chi phí khác	32		438.896.258	90.660.137
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		16.637.872.680	10.633.930.057
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		60.317.437.031	5.934.655.579
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	2.152.711.406	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		58.164.725.625	5.934.655.579
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8		
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8		

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HĐQT

Người lập

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



ĐO TIẾN DŨNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.317.437.031	5.934.655.579
2. Điều chỉnh cho các khoản			(21.304.392.017)	7.358.479.706
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	V.9	10.651.236.833	13.349.746.985
- Các khoản dự phòng	03		(139.073.978)	6.508.531.370
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(49.741.205.105)	(23.632.749.346)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	17.924.650.233	11.132.950.697
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.013.045.014	13.293.135.285
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		61.264.762.070	24.252.609.507
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		47.714.471.271	43.995.445.597
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		298.305.211.651	(16.698.694.792)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		4.081.840.173	2.617.233.812
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	VI.4	(17.924.650.233)	(11.132.950.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(475.675.379)	(3.372.676.471)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		431.979.004.567	52.954.102.241
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(43.039.643.027)	(63.422.020.919)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.738.181.819	98.554.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(388.571.680.000)	(13.736.370.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		49.704.646.190	19.871.232.532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(321.168.495.018)	39.267.387.068
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	947.598.774.452	815.507.267.169
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(1.046.359.360.488)	(848.004.486.985)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(107.344.059.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(98.760.586.036)	(139.841.278.816)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		12.049.923.513	(47.619.789.507)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.423.161.955	82.898.644.031
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	64.473.085.468	35.278.854.524

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HĐQT

Người lập

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (RIÊNG)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Thương mại – Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo hành các loại ô tô (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý mua bán xe ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: đại lý mua bán phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đóng mới thùng xe các loại; Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghỉ dưỡng, nghỉ địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). (Thực hiện cam kết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 446/2021/CV ngày 02/11/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh về việc cam kết ngành nghề kinh doanh);
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê xe ô tô;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: Đại lý bảo hiểm (CPC 81401);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632);

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Thị trường xe sang nhận được nhiều tín hiệu khởi sắc và nhu cầu tiêu thụ xe ô tô phân khúc cao cấp được hồi phục sau giai đoạn khó khăn từ đó giúp doanh thu của Công ty kỳ này tăng 19% so với cùng kỳ năm trước và đồng thời trong kỳ Công ty nhận được cổ tức từ công ty con đã làm lợi nhuận sau thuế tăng 880% so với cùng kỳ năm trước.

6. Cấu trúc Công ty**Các Công ty con.**

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%
2.	Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	52,06%	52,06%	52,06%	51,62%	51,62%	51,62%
3.	Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây	54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%
4.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tương Lai Việt	14-15A, Tầng 7, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	65,00%	65,00%	65,00%	-	-	-
5.	Công ty CP Ô tô An Thái ^(*)	Số 464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	0,00%	52,35%	32,51%	0,00%	52,35%	32,51%
6.	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt ^(**)	97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	0,00%	99,33%	51,27%	0,00%	99,33%	51,27%

^(*) Công ty CP Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty CP Ô tô An Thái).

^(**) Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM chiếm 99,33% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt).

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3. Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang (*)	Số 256 đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Tp. Cần Thơ	102 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 19/NQ-HĐQT-HAX ngày 30 tháng 07 năm 2025 về việc thông qua quyết định đóng cửa Chi nhánh Kim Giang.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 409 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 423 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh (thuyết minh mục IV.23) do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính (riêng) của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Các chi phí chờ phân bổ khác

Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Tiền lương phải trả cho người lao động dựa vào hợp đồng lao động.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là xe ô tô, phụ tùng, ...

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô,...

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
 - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.
Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

23. Số liệu so sánh

Một vài số dư trên Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành (thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, năm trước theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính). Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Cuối năm trước theo Thông tư 200/2014/TT-BTC/Trước điều chỉnh	Đầu năm nay được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC/Sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ				
Nợ phải trả				
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	855.970.700	855.970.700
320	Phải trả ngắn hạn khác	3.264.628.718	2.408.658.018	(855.970.700)
	Cộng Nợ phải trả	809.568.277.499	809.568.277.499	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG) (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	10.128.252.954	8.274.082.974
Tiền gửi ngân hàng ⁽¹⁾	51.344.832.514	44.149.078.981
Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	3.000.000.000	-
Cộng	64.473.085.468	52.423.161.955

⁽¹⁾ Chi tiết các ngân hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	34.855.389.788	27.171.972.032
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	12.186.800.115	10.654.977.626
Ngân hàng khác	4.302.642.611	6.322.129.323
Cộng	51.344.832.514	44.149.078.981

⁽²⁾ Là khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, lãi suất 4,75%/năm.**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 06 tháng tại ngân hàng dùng để đảm bảo cho khoản vay (xem thuyết minh tại mục V.19).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	57.628.354.476	72.811.741.796
Các khách hàng khác về tiền kinh doanh xe	57.628.354.476	72.811.741.796
Cộng	57.628.354.476	72.811.741.796

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước các bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các tổ chức và cá nhân khác	19.766.373.596	-	2.106.533.228	-
- Công ty CP Xây Lắp Điện Công Trình Thăng Long	14.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	5.766.373.596	-	2.106.533.228	-
Cộng	19.766.373.596	-	2.106.533.228	-

5. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	70.546.639.282	-	118.343.836.296	-
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam ^(*)	69.163.242.210	-	118.171.270.062	-
- Các đối tượng khác	1.383.397.072	-	172.566.234	-
Cộng	70.546.639.282	-	118.343.836.296	-

^(*) Là khoản phải thu về tiền thưởng do Công ty đạt về các chỉ tiêu kinh doanh xe.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	676.119.655	-	676.119.655	-
Công ty Cổ phần Minh Thắng	447.577.960	-	447.577.960	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng PVV Sài Gòn	105.454.400	-	105.454.400	-
Bà Nguyễn Thị Đình Chiến	45.350.000	-	45.350.000	-
Bà Võ Thị Thu Phương	42.692.000	-	42.692.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba	35.045.295	-	35.045.295	-
Cộng	676.119.655	-	676.119.655	-

^(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(676.119.655)	(676.119.655)
Trích lập dự phòng	-	-
Xoá nợ	-	-
Số cuối kỳ	(676.119.655)	(676.119.655)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	1.797.203.650	-	1.160.922.400	-
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	50.332.804.992 (4.046.751.675)		50.756.949.787 (4.046.751.675)	
Chi phí SXKD dở dang ⁽²⁾	5.064.957.881	-	5.995.131.581	-
Hàng hóa ⁽³⁾	444.486.458.504	-	465.089.946.826	-
Hàng hóa bất động sản ⁽⁴⁾	542.234.337.094	-	542.234.337.094	-
Cộng	1.043.915.762.121 (4.046.751.675)		1.065.237.287.688 (4.046.751.675)	

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là phụ tùng xe ô tô.

⁽²⁾ Là các khoản chi phí sửa chữa xe chưa hoàn thiện xong để giao khách hàng.

⁽³⁾ Hàng hóa chủ yếu là xe ô tô.

⁽⁴⁾ Là giá trị Quyền sử dụng đất tại đường Võ Văn Kiệt, P. An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh.

Trong đó hàng tồn kho đang thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 579.016.857.963 đồng (xem thuyết minh tại mục V.19).

8. Chi phí chờ phân bổ

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

Tình hình biến động

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	6.839.273.182	3.639.073.363
- Tăng trong kỳ	3.918.757.255	6.121.225.334
- Phân bổ trong kỳ	(6.007.128.889)	(5.187.783.465)
Số cuối kỳ	4.750.901.548	4.572.515.232

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiết cuối năm

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đang sử dụng	126.847.061	172.645.535
Phí bảo hiểm	721.431.941	784.604.638
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.171.658.493	4.547.416.825
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	2.730.964.053	1.334.606.184
Cộng	4.750.901.548	6.839.273.182

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn**Tình hình biến động**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	4.579.236.508	10.998.279.163
- Tăng trong kỳ	270.929.222	332.890.491
- Phân bổ trong kỳ	(2.264.397.761)	(3.883.566.172)
Số cuối kỳ	2.585.767.969	7.447.603.482

Chi tiết cuối năm

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.053.302.105	4.121.357.985
Công cụ dụng cụ đang sử dụng	381.808.906	308.045.474
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	150.656.958	149.833.049
Cộng	2.585.767.969	4.579.236.508

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.288.389.369	17.934.806.169
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	8.848.836.800	2.797.580.000	6.288.389.369	17.934.806.169
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	5.553.589.889	5.553.589.889
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	1.016.454.025	6.288.389.369	7.304.843.394
Tăng trong kỳ	-	27.975.798	-	27.975.798
- Khấu hao trong kỳ	-	27.975.798	-	27.975.798
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	1.044.429.823	6.288.389.369	7.332.819.192

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chương trình phần mềm	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	1.781.125.975	-	10.629.962.775
Số cuối kỳ	8.848.836.800	1.753.150.177	-	10.601.986.977

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 10.601.986.977 đồng (xem tại thuyết minh mục V.19).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tài sản cố định	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	-	10.297.083.019	-	-	10.297.083.019
Cộng	-	10.297.083.019	-	-	10.297.083.019

12. Đầu tư tài chính dài hạn

Là các khoản đầu tư vào công ty con. Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ ⁽¹⁾	47.978.650.000	46.381.315.934	(1.597.334.066)	47.978.650.000	46.242.241.956	(1.736.408.044)
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM ⁽²⁾	238.984.077.875	238.984.077.875	-	220.912.397.875	220.912.397.875	-
Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây ⁽³⁾	86.176.710.000	86.176.710.000	-	86.176.710.000	86.176.710.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tương Lai Việt ⁽⁴⁾	370.500.000.000	370.500.000.000	-	-	-	-
Cộng	743.639.437.875	742.042.103.809	(1.597.334.066)	355.067.757.875	353.331.349.831	(1.736.408.044)

⁽¹⁾ Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty nắm giữ 4.232.830 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 90,82% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 90,82%).

⁽²⁾ Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty nắm giữ 18.325.128 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là 52,06% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 51,62%).

⁽³⁾ Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty nắm giữ 2.872.557 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây là 62,11% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 62,11%).

⁽⁴⁾ Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty nắm giữ 12.675.000 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tương Lai Việt là 65% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 0%).

^(*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch trên thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đối với các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Doanh thu bán phụ tùng và máy móc và khác	22.727.273	-
- Chi phí dịch vụ khác	1.570.481.395	238.849.416
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM		
- Doanh thu sửa chữa, cho thuê xe và khác	274.024.912	4.379.495.802
- Doanh thu thuê mặt bằng	2.640.000.000	-
- Chi phí thuê mặt bằng, vận chuyển và khác	76.414.457	970.639.855
- Cổ tức được chia	49.553.880.000	16.517.960.000
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây		
- Doanh thu sửa chữa và khác	26.986.000	-
- Chi phí dịch vụ khác	147.518.181	314.252.160
- Cổ tức được chia	-	2.872.557.000

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.560.000.000	-
- Công Ty CP Cơ Khí Ô Tô Cần Thơ	1.560.000.000	-
Phải trả nhà cung cấp khác	66.763.035.087	38.304.839.793
Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam	48.979.559.398	19.448.664.187
Công ty Cổ Phần Viện Máy và Dụng Cụ Công Nghiệp	6.867.238.087	6.500.000.000
Các nhà cung cấp khác	10.916.237.602	12.356.175.606
Cộng	68.323.035.087	38.304.839.793

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong năm.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

15. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức	855.970.700	855.970.700
Cộng	855.970.700	855.970.700

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	4.356.214.491	(4.356.214.491)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	92.363.461	2.152.711.406	(475.675.379)	1.584.672.566	-
Thuế thu nhập cá nhân	703.019.766	20.506.425	759.449.978	(1.637.012.126)	84.275.317	279.324.124
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.086.932.606	59.577.390	-	-	1.027.355.216
Các loại thuế khác	-	-	187.814.239	(187.814.239)	-	-
Cộng	703.019.766	1.199.802.492	7.515.767.504	(6.656.716.235)	1.668.947.883	1.306.679.340

16a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

16b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.317.437.031	5.934.655.579
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	49.553.880.000	(19.390.517.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	49.553.880.000	(19.390.517.000)
Thu nhập chịu thuế	10.763.557.031	-
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	10.763.557.031	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.152.711.406	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.152.711.406	-

17. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương, các khoản thưởng trích theo lương phải trả cho cán bộ công nhân viên Công ty.

18. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Các đối tượng khác	2.447.421.742	2.408.658.018
Các khoản trích theo lương	1.019.077.272	923.551.772
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.428.344.470	1.485.106.246
Cộng	2.447.421.742	2.408.658.018

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong năm.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	629.263.014.743	629.263.014.743	728.023.600.779	728.023.600.779
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽¹⁾	140.723.621.044	140.723.621.044	70.648.957.580	70.648.957.580
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽²⁾	273.176.801.503	273.176.801.503	284.103.224.499	284.103.224.499
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ⁽³⁾	215.362.592.196	215.362.592.196	373.271.418.700	373.271.418.700
Cộng	629.263.014.743	629.263.014.743	728.023.600.779	728.023.600.779

Các khoản vay được thế chấp bởi giá trị tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, giá trị hàng tồn kho, giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình và giá trị còn lại tài sản cố định vô hình với số tiền lần lượt tương ứng là 5.000.000.000 đồng (xem thuyết minh tại mục V.2), 579.016.857.963 đồng (xem thuyết minh tại mục V.7), 69.732.526.894 đồng (xem thuyết minh tại mục V.9) và 10.601.986.977 đồng (xem thuyết minh tại mục V.10).

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽²⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽³⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	728.023.600.779	947.598.774.452	(1.046.359.360.488)	629.263.014.743
Cộng	728.023.600.779	947.598.774.452	(1.046.359.360.488)	629.263.014.743

20. Phải trả dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Các đối tượng khác	273.000.000.000	-
- Phải trả tiền mua cổ phần (*)	273.000.000.000	-
Cộng	273.000.000.000	-

(*) Là khoản phải trả trong việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Tập Đoàn Thương Lai Việt.

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	186.728.880.000	17,38%	186.728.880.000	17,38%
- Bà Vũ Thị Hạnh	178.433.590.000	16,61%	178.433.590.000	16,61%
- Các cổ đông khác	709.234.340.000	66,01%	709.234.340.000	66,01%
Cộng	1.074.396.810.000	100,00%	1.074.396.810.000	100,00%

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 30/06/2026.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000	-
Cộng	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000	-

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi (bằng tiền)	-	107.439.681.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

21d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	107.439.681	107.439.681
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	107.439.681	107.439.681
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	107.439.681	107.439.681
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	107.439.681	107.439.681
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21e. Cổ tức

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Cổ tức đã công bố và đã chia trong năm		
+ <i>Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (số lượng)</i>	-	-
<i>(Tương đương giá trị theo mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu)</i>	-	-
+ <i>Cổ tức bằng tiền đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	107.439.681.000
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

21f. Phân phối lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	8.970.223.578	106.622.053.452
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	58.164.725.625	5.934.655.579
Phân phối trong kỳ:	-	(107.439.681.000)
- <i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	-	(107.439.681.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	67.134.949.203	5.117.028.031

VI. KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu kinh doanh xe	895.711.673.061	703.588.037.822
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	158.974.410.322	182.325.423.724
Doanh thu hoạt động khác	6.314.731.341	4.984.370.422
Cộng (*)	1.061.000.814.724	890.897.831.968

(*) Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: (xem chi tiết tại thuyết minh số V.12).

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	301.010.912	779.495.802
Doanh thu hoạt động khác	2.640.000.000	3.600.000.000
Cộng	2.941.010.912	4.379.495.802

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn kinh doanh xe	860.070.839.335	692.896.631.678
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	128.376.820.731	145.703.907.154
Giá vốn hoạt động khác	204.341.592	379.678.189
Cộng	988.652.001.658	838.980.217.021

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	150.766.190	480.715.532
Doanh thu từ cổ tức được chia	49.553.880.000	19.390.517.000
Cộng	49.704.646.190	19.871.232.532

4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	17.924.650.233	11.132.950.697
- Trích/hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(139.073.978)	6.508.531.370
Cộng	17.785.576.255	17.641.482.067

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	11.708.125.983	11.012.949.613
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.240.844.522	10.556.362.772
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	10.574.717.959	7.465.565.482
- Các chi phí khác	9.772.101.144	8.748.484.693
Cộng	40.295.789.608	37.783.362.560

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	11.903.728.311	12.543.652.855
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.270.340.280	1.185.187.349
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.172.102.158	1.241.500.562
- Các chi phí khác	5.946.358.293	6.092.936.564
Cộng	20.292.529.042	21.063.277.330

7. Thu nhập khác

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu nhập từ tiền hỗ trợ của Mercedes-Benz Việt Nam	13.990.393.433	6.743.412.517
- Thu nhập khác	3.086.375.505	3.981.177.677
Cộng	17.076.768.938	10.724.590.194

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.20 và 3.21 mục 2 – Nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.029.264.593	118.208.860.555
- Chi phí nhân công	40.542.179.645	40.399.673.666
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.651.236.833	13.349.746.985
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.556.171.714	15.844.488.454
- Chi phí khác	20.793.738.481	22.684.581.487
Cộng	198.572.591.266	210.487.351.147

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*). Chi tiết như sau:

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	700.000.000	700.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	490.000.000	490.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	350.000.000	350.000.000
Cộng		1.540.000.000	1.540.000.000

Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	600.000.000	427.692.308
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	120.000.000	107.692.308
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	-	36.923.077
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên	120.000.000	70.769.231
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	120.000.000	107.692.308
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên	120.000.000	107.692.308
Cộng		1.080.000.000	858.461.540

(*Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc. Đây là thu nhập tại báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**Các bên liên quan khác với Công ty gồm:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty con (Công ty nắm giữ 90,82% vốn điều lệ)
2. Công ty CP sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Công ty con (Công ty nắm giữ 52,06% vốn điều lệ)
3. Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	Công ty con (Công ty nắm giữ 62,11% vốn điều lệ)
4. Công ty Cổ phần Tập đoàn Tương Lai Việt	Công ty con (Công ty nắm giữ 65,00% vốn điều lệ)
5. Công ty Cổ phần Ô tô An Thái	Công ty con của Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây
6. Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	Công ty con của Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM
7. Ông Đỗ Tiến Dũng	Cổ đông lớn của công ty
8. Vũ Thị Hạnh	Cổ đông lớn của công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh ở Mục V.12, VII.6, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3, V.4, V.13.

4. Báo cáo theo bộ phận**4a. Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Kỳ này	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Hoạt động kinh doanh xe	895.711.673.061	860.070.839.335	35.640.833.726
Dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	158.974.410.322	128.376.820.731	30.597.589.591
Hoạt động khác	6.314.731.341	204.341.592	6.110.389.749
Cộng	1.061.000.814.724	988.652.001.658	72.348.813.066
Kỳ trước			
Hoạt động kinh doanh xe	703.588.037.822	692.896.631.678	10.691.406.144
Dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	182.325.423.724	145.703.907.154	36.621.516.570
Hoạt động khác	4.984.370.422	379.678.189	4.604.692.233
Cộng	890.897.831.968	838.980.217.021	51.917.614.947

4b. Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.2; V.7; V.9; V.10). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 664.351.371.826 VND (số đầu năm là 727.038.792.147 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

6. Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cam kết bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM, Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tương Lai Việt bằng tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.19). Giá trị bảo lãnh mỗi công ty con tại mỗi ngân hàng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của Công ty.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 8 năm 2026.

Người đại diện theo pháp luật

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phụ lục số 01: Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

PHỤ LỤC SỐ 01: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

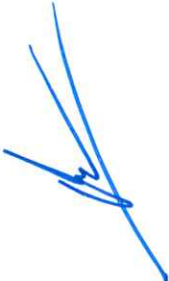
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ, Quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	107.502.771.843	33.044.821.930	130.771.803.123	7.425.119.936	2.039.393.464	280.783.910.296
2. Tăng trong kỳ		868.100.000	31.479.860.008		394.600.000	32.742.560.008
3. Giảm trong kỳ			(100.574.839.699)			(100.574.839.699)
4. Số dư cuối kỳ	107.502.771.843	33.912.921.930	61.676.823.432	7.425.119.936	2.433.993.464	212.951.630.605
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	61.344.038.919	28.342.946.941	18.145.152.789	5.796.426.117	2.039.393.464	115.667.958.230
2. Tăng trong kỳ	1.788.025.451	846.544.896	7.617.842.706	370.847.982		10.623.261.035
3. Giảm trong kỳ			(13.480.271.091)			(13.480.271.091)
4. Số dư cuối kỳ	63.132.064.370	29.189.491.837	12.282.724.404	6.167.274.099	2.039.393.464	112.810.948.174
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	46.158.732.924	4.701.874.989	112.626.650.334	1.628.693.819	-	165.115.952.066
2. Tại ngày cuối kỳ	44.370.707.473	4.723.430.093	49.394.099.028	1.257.845.837	394.600.000	100.140.682.431

Trong đó:

Tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 74.057.067.852 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp tính cho các khoản vay ngân hàng (tại mục thuyết minh V.19) là 69.732.526.894 đồng.

Người lập



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



ĐỖ TIỀN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
		1	2	
A				3
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025				
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.074.396.810.000		106.622.053.452	1.181.018.863.452
2. Tăng trong kỳ trước	-		5.934.655.579	5.934.655.579
- Lợi nhuận tăng			5.934.655.579	5.934.655.579
3. Giảm trong kỳ trước	-		(107.439.681.000)	(107.439.681.000)
- Chia cổ tức bằng tiền			(107.439.681.000)	(107.439.681.000)
4. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.074.396.810.000		5.117.028.031	1.079.513.838.031
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026				
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	1.074.396.810.000		8.970.223.578	1.083.367.033.578
6. Tăng trong kỳ này	-		58.164.725.625	58.164.725.625
- Lợi nhuận tăng			58.164.725.625	58.164.725.625
7. Giảm trong kỳ này	-		-	-
8. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	1.074.396.810.000		67.134.949.203	1.141.531.759.203

Người lập

Kế toán trưởng

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 8 năm 2026



TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HÀNG

